

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2022/DS-PT.

Ngày: 15/12/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừ.

Các thẩm phán:

Ông Đặng Văn Quyết

Bà Phạm Thị Minh Hiền

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2022/TLPT-DS ngày 19/10/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 186/2022/QĐ-PT ngày 24/11/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 95/2022/QĐPT-DS ngày 14/12/2022, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ dân phố Chàng 1, TT Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do bà Trần Thị XuY, sinh năm 1958; Địa chỉ: TDP Vườn Hoa, TT Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền. (có mặt)

+ **Bị đơn:** Chị Lê Thị Y, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn Đọ Mới, xã Cương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn Đọ Mới, xã Cương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Ngọc T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên anh có cho chị Lê Thị Y vay tiền 02 lần, cụ thể:

- Ngày 03/4/2012, cho vay số tiền 120.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng.

- Ngày 21/4/2012, cho vay số tiền 100.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là

1,5%/tháng.

Khi vay có viết “giấy biên nhận vay tiền”, chị Y có ký vào giấy biên nhận. Số tiền anh cho vay là tiền riêng của anh không liên quan đến vợ và bố mẹ anh. Chị Y anh B đã trả lãi của 2 khoản vay trên đến ngày 25/12/2021 là 145.000.000 đồng.

Nay anh đề nghị chị Y, anh B phải trả anh 220.000.000đ và tiền lãi 1,5%/tháng.

Bị đơn là chị Lê Thị Y trình bày:

Chị thừa nhận vào khoảng đầu năm 2012 chị đã 02 lần đến nhà anh T vay số tiền 220.000.000đ, lãi suất ghi trong giấy vay nợ là 4,5%/tháng, mục đích vay để kinh doanh vật liệu xây dựng. Do làm ăn thua lỗ và lãi suất quá nặng nên chị không có khả năng chi trả, chị đã phải đi làm ăn xa để lấy tiền trả nợ. Trong khi chị đi làm xa thì ông Tiến bà Đậu là bố mẹ đẻ của anh T và chồng chị là anh Đỗ Văn B thỏa thuận miệng với nhau số tiền anh chị trả 145.000.000đ sẽ trừ vào số tiền gốc và chỉ còn lại số tiền 75.000.000đ tiền gốc và hàng năm sẽ trả dần tùy vào điều kiện kinh tế. Lãi suất chị xin không trả vì kinh tế gia đình khó khăn. Số tiền 145.000.000đ anh chị đã trả anh T trừ vào tiền lãi chị không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Đỗ Văn B trình bày: Năm 2012 chị Y có vay tiền của anh T 2 lần với tổng số tiền là 220.000.000đ, chị Y có ký vào giấy vay nợ. Anh không ký giấy vay nợ và anh cũng không biết chị vay nợ làm gì. Sau đó ông Tiến bố đẻ anh T mang giấy vay nợ đến anh mới biết, từ năm đó đến nay tự tay anh trả 145.000.000đ tiền gốc. Nay anh T khởi kiện ra Tòa yêu cầu vợ chồng trả số tiền gốc 220.000.000đ và 251.000.000đ tiền lãi anh không đồng ý vì anh đã trả được 145.000.000đ tiền gốc chỉ còn nợ lại 75.000.000đ tiền gốc và vợ chồng anh sẽ trả dần tiền gốc, không đồng ý trả lãi phát sinh.

Với những nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã căn cứ vào khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc T

Buộc chị Lê Thị Y anh Đỗ Văn B liên đới trả cho anh Trần Ngọc T tổng số tiền 609.607.300đ. Trong đó số tiền gốc là 220.000.000đ đồng và tiền lãi là 389.607.300đ đồng. Trừ đi số 145.000.000đ tiền lãi chị Y anh B đã trả anh T. Chị Y anh B phải trả 464.607.300đ

Ngoài ra bản án còn giải quyết về án phí, tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2022, chị Lê Thị Y kháng cáo bản án, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng xác định số tiền đã trả là trả vào tiền gốc và không đồng ý trả lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Y đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo thì thấy:

+ Về việc vay và nhận tiền:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các đương sự đều thống nhất xác định: chị Lê Thị Y có vay của anh T 2 lần với tổng số tiền 220.000.000đ. Anh T thừa nhận vợ chồng anh B, chị Y trả được 145.000.000đ.

Như vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ **Về yêu cầu tính lãi, thời điểm tính lãi và mức lãi suất:**

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy:

Vợ chồng anh B, chị Y vay anh T số tiền gốc 220.000.000đ, có thỏa thuận lãi suất, không hẹn ngày trả. Vì vậy đây hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi.

Quá trình giải quyết vụ án anh B, chị Y xác định số tiền là 145.000.000đ là trả vào số tiền gốc đã vay. Tuy nhiên, các biên nhận tiền do các đương sự cung cấp không ghi là trả tiền gốc hay tiền lãi. Anh B, chị Y không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh việc anh T, ông Tiến chỉ lấy tiền gốc, không tính lãi của số tiền đã vay. Do đó, việc anh T yêu cầu anh B chị Y trả số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng là có căn cứ.

Về yêu cầu tính lãi suất: Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi làm 2 giai đoạn:

Trước ngày 01/01/2017, lãi suất do các bên thỏa thuận ghi trong giấy biên nhận vay tiền là 4,5%/tháng. Thỏa thuận này của các đương sự vượt quá quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi không vượt quá 150% lãi suất cơ bản là đúng quy định của pháp luật.

Sau ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử 23/8/2022 lãi suất không vượt quá 20%/năm theo quy định tại Điều 357, Điều 466; Điều 468 BLDS năm 2015.

HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Tại biên bản hòa giải ngày 07/7/2022 (BL50), người đại diện cho nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng (tương đương

18%/năm). Tòa sơ thẩm tính lãi suất sau ngày 01/01/2017 là 20%/năm và vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự. Vì vậy, HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị Y, sửa phần tính lãi sau ngày 01/01/2017 đối với số tiền vay.

Về yêu cầu tiền lãi được tính lại như sau:

Đối với khoản vay 120.000.000đ

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 03/4/2012 âm lịch (tức ngày 23/4 /2012 dương lịch) đến ngày 31/12/2016 dương lịch:

$120.000.000đ \times 13,5\%/năm \times 56 \text{ tháng } 8 \text{ ngày} = 75.600.000đ + 360.000đ = 75.963.000đ$

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2017 đến ngày 23/8/2022 (dương lịch) = $120.000.000 \text{ đồng} \times 18\%/năm \times 68 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 122.400.000đ + 1.380.000đ = 123.780.000đ$. Tổng cộng: 199.743.000đ.

Đối với khoản vay 100.000.000đ

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 21/4/2012 âm lịch (tức ngày 11/5/2012 dương lịch) đến 31/12/2016 dương lịch = $54 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} \times 100.000.000đ \times 13,5\% = 60.750.000đ + 750.000đ = 61.500.000đ$

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2017 đến ngày 23/8/2022 (dương lịch) = $100.000.000 \text{ đồng} \times 18\%/năm \times 68 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 102.000.000đ + 1.150.000đ = 103.150.000đ$. Tổng cộng 164.650.000đ.

Tổng lãi suất cho 2 khoản vay là 364.393.000đ. Trừ đi số tiền lãi anh B chị Y đã trả là 145.000.000đ. Chị Y, anh B còn phải trả lãi: 219.393.000đ.

Tổng số tiền gốc và lãi chị Y và anh B phải trả anh T là $220.000.000đ + 219.393.000đ = 439.393.000đ$.

Với những nội dung như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc chị Y, anh B phải thanh toán trả anh T tổng số tiền 464.607.300đ là chưa chính xác. Vì vậy, HĐXX chấp nhận kháng cáo của chị Y, sửa án sơ thẩm về tiền lãi của tiền vay.

[3]. Về án phí DSPT: Do kháng cáo được chấp nhận nên chị Y không phải chịu tiền án phí DSPT.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Y, sửa một phần bản án sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam về phần tính lãi.

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

Buộc vợ chồng chị Lê Thị Y, anh Đỗ Văn B phải liên đới trả cho anh Trần Ngọc T số tiền gốc là 220.000.000đ và tiền lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2022 là 219.393.000đ đồng. Tổng là 439.393.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Về án phí DSST: Chị Lê Thị Y, anh Đỗ Văn B phải liên đới chịu 21.575.700đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí DSPT: Chị Lê Thị Y không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả chị Y 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013995 ngày 23/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngữ